

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy chế công khai năm học 2020 – 2021

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ công văn 2003/ĐHTN ngày 02/10/2018 của Đại học Thái Nguyên về việc hướng dẫn cập nhật thông tin theo Quy chế công khai;

Trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp xây dựng kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2019 – 2020 trong trường học như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Thúc đẩy cán bộ, giảng viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Công khai các hoạt động của Nhà trường trước cán bộ, giảng viên, người học, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong Nhà trường.

II. Kế hoạch triển khai

Thực hiện kế hoạch chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

III. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở đào tạo;

mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học, chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV (Theo Biểu mẫu 17).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: gồm công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại cần công khai quy mô nghiên cứu sinh, thạc sĩ và sinh viên ở các trình độ đào tạo, hình thức đào tạo phân theo khối ngành đào tạo. Đối với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường: số sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao (Theo Biểu mẫu 18A, 18B).

c) Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo (Theo biểu mẫu 01-ĐHTN).

d) Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên (Theo biểu mẫu 18C và 18C-ĐHTN).

đ) Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành (Theo biểu mẫu 18D và 18D-ĐHTN).

e) Đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của các sinh viên trình độ đại học, học viên trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt (Theo biểu mẫu 18E).

g) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự chủ in phôi văn bằng, chứng chỉ, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng, chứng chỉ cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

h) Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (nếu có): các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo (Theo biểu mẫu 18G).

i) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn (Theo biểu mẫu 18I).

k) Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và

các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

l) Hội nghị, hội thảo khoa học trong cơ sở giáo dục tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự (Theo biểu mẫu 18H).

m) Kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo: công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (Theo biểu mẫu 18K).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Công khai thông tin về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng; các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu; học liệu của thư viện và trung tâm học liệu; diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên (Theo biểu mẫu 19).

b) Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng xếp theo các khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi theo từng khối ngành (Theo Biểu mẫu 20).

- Sơ lược lý lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện (Theo biểu mẫu 02-ĐHTN).

- Số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo (Theo biểu mẫu 03-ĐHTN).

3. Công khai thu chi tài chính

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy

định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học (Theo Biểu mẫu 21).

c) Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

d) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

IV. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

- Công khai trên trang thông tin điện tử của trường.
- Có các tài liệu in đầy đủ tại các khoa, trung tâm, đơn vị trực thuộc trường.
- Phổ biến đến sinh viên thông qua tuần sinh hoạt công dân ,GVCN và trung tâm tư vấn sinh viên.

2. Thời điểm công khai:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 17 và biểu mẫu 18) – Tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 19 và biểu mẫu 20) – Tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan .

- Công khai thu, chi tài chính (Biểu mẫu 21) – Tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

V. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.
- Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu

quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cấp trên trước 30 tháng 9 hằng năm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của Nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

- + Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên của Nhà trường.

- + Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, cha mẹ người học hoặc người học được biết.

- + Đưa lên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân thực hiện công khai trong Nhà trường

Các đơn vị, cá nhân được phân công nhiệm vụ thực hiện các nội dung công khai thực hiện theo đúng kế hoạch triển khai phần II.

Đề nghị Lãnh đạo các đơn vị triển khai các nội dung liên quan và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hiệu trưởng về việc hoàn thành nhiệm vụ được giao theo bản Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- ĐHTN (để b/c);
- Các đơn vị trong trường (để t/h);
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Trần Minh Đức



Phụ lục

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2020 – 2021

Stt	Đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian hoàn thành		Kết quả dự kiến	Ghi chú
			Học kỳ 1	Học kỳ 2		
1.	Phòng KT&ĐBCLGD	Xây dựng kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2020 - 2021	Tháng 9/2020		Kế hoạch	
		Công khai chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 18K)	15/10/2020	15/6/2021	BM18K	
		Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên (Biểu mẫu 20C)	15/10/2020	15/6/2021	BM20C	
		Tổng hợp và thực hiện báo cáo Quy chế công khai của Nhà trường	T11/2020	T6/2021	Báo cáo	
2.	Trung tâm tuyển sinh	Báo cáo cấp trên khi có yêu cầu			Báo cáo	
		Công khai chỉ tiêu tuyển sinh (Biểu mẫu 01-ĐHTN)	15/10/2020	15/6/2021	BM01-ĐHTN	
		Công khai số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng (Biểu mẫu 03-ĐHTN)	15/10/2020	15/6/2021	BM03-ĐHTN	
3.	Phòng HC-TC	Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên (Biểu mẫu 20A, 20B)	15/10/2020	15/6/2021	BM20A,B	
4.	Phòng Đào tạo	Cam kết chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 17)	15/10/2020	15/6/2021	BM17	
		Công khai chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 18A, 18B, 18C, 18E, 18G)	15/10/2020	15/6/2021	BM18A,B,C,E,G	
5.	Trung tâm ĐTTNCXH	Công khai chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 18G)	15/10/2020	15/6/2021	BM18G	

Stt	Đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện	Thời gian hoàn thành		Kết quả dự kiến	Ghi chú
			Học kỳ 1	Học kỳ 2		
6.	Phòng KHCN&HTQT	Công khai sơ lược lý lịch của giảng viên (Biểu mẫu 02-ĐHTN)	25/10/2020	25/6/2021	File tổng hợp Theo BM02-ĐHTN	Tổng hợp trên báo cáo của các Khoa/bộ môn
7.	Phòng CT- HSSV	Công khai chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 18H, 18I) Công khai chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 18A, 18B) Dữ liệu quy mô SV theo ngành	15/10/2020	15/6/2021	BM18H,I BM18A,B File dữ liệu	
8.	Trung tâm HTĐTQT	Cam kết chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 17) Công khai chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 18A, 18B, 18G)	15/10/2020	15/6/2021	BM17 BM18A,B,G	
9.	Phòng QT-PV	Công khai cơ sở vật chất (Biểu mẫu 19A, 19B, 19D) Công khai cơ sở vật chất (Biểu mẫu 19C)	15/10/2020	15/6/2021	BM19A,B,D BM19C	
10.	Trung tâm TT-TV	Cập nhật dữ liệu Báo cáo thực hiện Quy chế công khai lên trang web của nhà trường	T11/2020	T6/2021	Đăng lên Website	
11.	Phòng KH-TC	Công khai tài chính (Biểu mẫu 21)	15/10/2020	15/6/2021	BM21	
12.	Khoa/bộ môn	Công khai chất lượng giáo dục thực tế (Biểu mẫu 18C, 18D, 18E, 18C-ĐHTN, 18D-ĐHTN) Công khai sơ lược lý lịch của giảng viên (Biểu mẫu 02-ĐHTN)	15/10/2020	15/6/2021	BM18C,D,E; BM18C,D-ĐHTN BM02-ĐHTN	

